TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/DS-ST
Ngày: 22-5-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Vân.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Trần Chí T, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/3/2024 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà L tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Thị L làm chủ hụi như sau:

Dây hụi khui ngày 10/10/2019 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng, có 25 phần, bà L tham gia 01 phần, khui vào ngày 15 hàng tháng. Bà L đóng được 21 tháng tổng số tiền 48.590.000 đồng (đóng từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/5/2021), đến ngày 10/10/2020 mãn hụi.

Dây hụi khui ngày 05/10/2020 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng, có 26 phần, bà L tham gia 01 phần, khui vào ngày 10 hàng tháng. Bà L đóng được 8 tháng tổng số tiền 17.510.000 đồng (đóng từ ngày 05/10/2020 đến tháng 05/2021), đến tháng 12/2022 mãn hụi.

Dây hụi khui ngày 15/11/2020 (âm lịch), loại hụi 5.000.000 đồng, có 25 phần, bà L tham gia 01 phần, khui vào ngày 15 hàng tháng. Bà L đóng được 7 tháng tổng số tiền 24.800.000 đồng (đóng từ ngày 15/11/2020 đến tháng ngày 15/05/2021), đến tháng 12/2022 mãn hụi.

Dây hụi khui ngày 20/4/2021 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, có 25 phần, bà L tham gia 01 phần, khui vào ngày 20 hàng tháng. Bà L đóng được 3 tháng tổng số tiền 4.500.000 đồng (đóng từ ngày 20/4/2021 đến tháng 6/2021), đến tháng 5/2023 mãn hụi. Nhưng chị Loan cho rằng bà đóng chỉ 1.500.000 đồng thì bà L cũng đồng ý, vì bà L đóng hụi mà không kêu chị Loan ghi vào sổ.

Tổng số tiền hụi bà L đóng tổng cộng là 92.400.000 đồng, chị Loan trả dần dần được 5.000.000 đồng nên còn thiếu tiền nợ hụi 87.400.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu chị Loan và anh Lê Quốc T liên đới trả số tiền hụi 87.400.000 đồng, tiền lãi 18.135.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/01/2024 mức lãi suất 0.83%/tháng).

** Theo bản tự khai ngày 08/8/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Dây hụi khui ngày 10/10/2019, loại hụi 3.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần) có 25 phần, bà L chơi 01 phần, đóng được 28.590.000 đồng (từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/5/2020 âm lịch). Chị ghi trang cuối sổ hụi là ghi số tiền lời cho bà L biết, bà L thấy lời nên xin tham gia vào dây hụi khui ngày 10/10/2019 âm lịch. Do đó bà L tham gia dây hụi này vào tháng thứ 9.

Dây hụi khui ngày 05/10/2020, loại hụi 3.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần), 26 phần, bà L chơi 01 phần, đóng được 08 lần (từ ngày 10/10/2020 đến ngày 05/5/2021) số tiền 17.510.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 15/11/2020, loại hụi 5.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần), 25 phần, bà L chơi 01 phần, đóng được 07 lần (từ ngày 20/11/2020 đến ngày

20/5/2021 âm lịch) số tiền 24.800.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 20/4/2021, loại hụi 2.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần), 25 phần, bà L chơi 01 phần, đóng được 01 lần là 1.500.000 đồng.

Tổng 04 dây hụi là 72.400.000 đồng, chị có trả cho bà L (bà L mua cơm trừ nợ) nhiều lần không nhớ trả bao nhiêu.

Tại Tòa:

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: dây hụi khui ngày 10/10/2019 đóng được 46.340.000 đồng; dây hụi khui 05/10/2020 đóng được 17.510.000 đồng; dây hụi khui 15/11/2020 đóng được 24.800.000 đồng; dây hụi khui 25/4/2021 đóng được 1.500.000 đồng. Tổng cộng bà L đóng tiền hụi 90.150.000 đồng. Vào tháng 6, 7, 8 năm 2021 chị Loan trả được 5.000.000 đồng nên còn thiếu 85.150.000 đồng. Do bị đơn không có thiện chí trả nên yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024 với lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 19.788.000 đồng. Bị đơn cho rằng dây hụi khui 10/10/2019 đóng được 28.590.000 đồng là không đúng, vì sổ hụi do bị đơn ghi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả số tiền hụi 85.150.000 đồng và tiền lãi 19.788.000 đồng. Việc bị đơn tổ chức chơi hụi, người liên quan là anh T biết, việc bị đơn chơi hụi nhằm sinh lợi phục vụ cuộc sống trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu anh T cùng liên đới trả nợ.

* *Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày*: Bà L tham gia 04 dây hụi, dây hụi khui ngày 10/10/2019 bà L chỉ đóng được 28.590.000 đồng vì bà L đóng hụi từ tháng 9/2020. Trang cuối sổ hụi có ghi số tiền lời, có trường hợp có người hỏi tiền lời của dây hụi nên chị ghi. Trong quá trình chơi hụi có trường hợp do thấy có lời nên xin tham gia, chị vẫn cho hụi viên tham gia và có trường hợp hụi viên xin tham gia chị sang hụi cho hụi viên đó nên có việc dây hụi khui nhiều tháng có hụi viên mới tham gia vào; bà L thuộc trường hợp trên nên bà L chỉ đóng hụi cho chị từ tháng 9 năm 2020. Việc chơi hụi anh T không biết và cũng không liên quan, số tiền hụi chị thiếu của bà L tổng cộng 72.400.000 đồng chị xin trả dần và xin gôm hụi trả dần cho bà L, chị xin không trả tiền lãi.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Trong 04 dây hụi bà L tham gia thì dây hụi ngày 10/10/2019 đôi bên không thống nhất số tiền. Bị đơn cho rằng nguyên đơn tham gia từ tháng 9 nhưng

không có chứng cứ, chứng minh việc sang hụi. Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào sổ hụi do bị đơn ghi, số tiền nguyên đơn yêu cầu phù hợp với sổ hụi nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu lãi chậm trả. Việc chị Loan tổ chức chơi hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh T phải có nghĩa vụ liên đới. Do đó, áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 18, 23 của Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ và Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả số tiền hụi 85.150.000 đồng và số tiền lãi 19.788.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả số tiền hụi 85.150.000 đồng và số tiền lãi 19.788.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn Nguyễn Thị L và bị đơn chị Nguyễn Thị L thống nhất tiền hụi của dây hụi khui ngày 05/10/2020 số tiền đóng hụi 17.510.000 đồng, dây hụi khui ngày 15/11/2020 số tiền đóng hụi 24.800.000 đồng, dây hụi khui ngày 20/4/2021 số tiền đóng hụi 1.500.000 đồng và thống nhất bị đơn có trả 5.000.000 đồng. Riêng tiền hụi của dây hụi ngày 10/10/2019 đôi bên không thống nhất số tiền đóng, bị đơn cho rằng nguyên đơn sang hụi nên đóng hụi từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 5 năm 2021 số tiền 28.590.000 đồng; nguyên đơn cho rằng đóng hụi từ tháng 10/2019 đến ngày 10/5/2021 với số tiền 46.340.000 đồng. Sổ ghi hụi do bị đơn ghi thể hiện dây hui khui ngày 10/10/2019 có 02 phần: phần trang cuối sổ hụi ghi số tiền lời từ số 01 đến số 9; phần trang đầu sổ hụi ghi số 9 đến số 21, ghi ngày tháng và ghi số tiền đóng từng lần. Nguyên đơn không thừa nhận có việc sang hụi; bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn sang hụi. Xét việc bà L tham gia chơi hụi do chị Loan tổ chức chơi hụi là trên cơ sở tự nguyện nhưng tháng 6/2021 chị Loan chấm dứt chơi hụi mà không

thanh toán tiền cho hụi viên là vi phạm nên bà L khởi kiện yêu cầu trả số tiền hụi 85.150.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 471 Bộ luật dân sự. Chị Loan chậm thực hiện thanh toán tiền hụi cho bà L nên bà L yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp theo Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ. Qua xác minh, chị Loan và anh T ly hôn vào năm 2002, đến ngày 09/10/2018 thì đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh và đến ngày 18/5/2023 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 99/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Do đó, việc chị Loan tổ chức chơi hụi là trong thời kỳ hôn nhân với anh T và việc chị Loan tổ chức chơi hụi nhằm tạo thêm thu nhập phục vụ kinh tế gia đình nên anh Lê Quốc T phải có nghĩa vụ liên đới theo Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình nên buộc chị Loan, anh T liên đới trả cho bà L số tiền hụi 85.150.000 đồng và số tiền lãi 19.788.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024, mức lãi suất 0.83%/tháng). Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi trong giai đoạn thi hành án.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DS – ST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T phải nộp (104.938.000 đồng x 5%) = 5.247.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ; Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả cho nguyên đơn bà L số tiền hụi 85.150.000 đồng và số tiền lãi 19.788.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DS-ST: Bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T phải nộp 5.247.000 đồng (Năm triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.883.000 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai số 0006534 ngày 07/9/2023 và biên lai số 0004203 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hồng Hạnh